TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-ST
Ngày: 30-6-2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hoa Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 476/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST–DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam; địa chỉ trụ sở chính: phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1970 – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; địa chỉ thường trú: phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ tạm trú: phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990 – Chức vụ: Giám đốc khách hàng không TSBĐ; địa chỉ: số 264E, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Trần Đức N, sinh năm 1997 – Chức vụ: Chuyên viên QLKH; địa chỉ: Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1986; địa chỉ: khu 7, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 18/11/2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Huyền N và Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương đã cùng ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ số 170113319426/TTD/PVBC ngày 13/01/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0499/2019/HĐHMTC/PVB-CN.BD ngày 31/01/2019 ("Hợp đồng tín dụng") như sau:

Hợp đồng cho vay	**Mục đích sử dụng vốn**	**Ngày giải ngân**	**Lãi suất phát vay**	**Số tiền giải ngân**
Đơn ĐNPHT số 170113319426/TTD/PVCB ngày 13/01/2017	Tiêu dùng	19/01/2017	12%/năm	100.000.000
0499/2019/HĐHMTC/PVB-CN.BD ngày 31/01/2019	Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác	31/01/2019	6.9%/năm	100.000.000

Dư nợ khoản vay bà Nguyễn Thị Huyền N tạm tính đến ngày 03/6/2021 như sau:

- Tổng gốc : 95.216.545 đồng

- Tổng lãi : 33.466.438 đồng

- Dư nợ thẻ tín dụng : 192.456.399 đồng

- Tổng cộng dư nợ : 321.139.382 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm tám mươi hai đồng)*

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, bà Nguyễn Thị Huyền N đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam yêu cầu như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền N thanh toán cho PVcomBank số tiền 321.139.382 đồng, bao gồm nợ gốc là 95.216.545 đồng, nợ lãi là 33.466.438 đồng và nợ thẻ tín dụng là 192.456.399 đồng (tạm tính đến hết ngày 03/6/2021);

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền N thanh toán phần nợ lãi phát sinh tính theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ số 170113319426/TTD/PVBC ngày 13/01/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0499/2019/HĐHMTC/PVB-CN.BD ngày 31/01/2019 kể từ ngày 04/6/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị Huyền N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huyền N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

* Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền N trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về việc có ký kết các hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày. Bà N đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc, lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện nay bà N đang bị tạm giam trong vụ án hình sự nên có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là đại diện nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cả nguyên đơn, bị đơn thống nhất với nhau về việc các bên có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0499/2019/HĐHMTC/PVB-CN.BD ngày 31/01/2019 với số tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và Đơn đề nghị phát hành thẻ số 170113319426/TTD/PVBC ngày 13/01/2017 với số tiền 100.000.000đ; vay không thế chấp. Trong quá trình thực hiện, bà Nga còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 03/6/2021 là số tiền 321.139.382 đồng (bao gồm nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 95.216.545 đồng, nợ lãi là 33.466.438 đồng và nợ thẻ tín dụng là 192.456.399 đồng). Sự thừa nhận của các đương sự là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình thực hiện Hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 03/6/2021, cụ thể: nợ gốc theo hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2019 là 95.216.545 đồng, nợ lãi theo hợp đồng này là 33.466.438 đồng và nợ thẻ tín dụng ngày 13/01/2017 là 192.456.399 đồng, bao gồm: số tiền gốc là 97.057.729 đồng, tiền phí là 43.272.964 đồng, tiền lãi là 52.125.706 đồng, tổng cộng 321.139.382 đồng. Bị đơn đồng ý thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn. Xét sự thừa nhận, đồng ý thanh toán nợ là sự tự nguyện của bị đơn, không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị Huyền N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi quá hạn phát sinh thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thi hành bản án, kê biên, phát mãi các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Huyền N để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Đây là trường hợp thuộc quá trình thi hành án, các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147, Điều 92, các điều 227, 228, 235, 266, 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Quyết định số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005; Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN, ngày 16/5/2008, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cơ chế điều hành lãi suất cơ bản đồng Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 03/6/2021 là: 321.139.382 đồng (ba trăm hai mươi mốt triệu một trăm ba mươi chín ngàn ba trăm tám mươi hai đồng), trong đó:

-Theo hợp đồng tín dụng ngày 31/01/2019: Nợ gốc là 95.216.545 đồng, nợ lãi là 33.466.438 đồng.

- Theo đơn đề nghị phát hành thẻ số 170113319426/TTD/PVBC ngày 13/01/2017: Nợ gốc là 97.057.729 đồng, tiền phí là 43.272.964 đồng, tiền lãi là 52.125.706 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 03/6/2021, bà Nguyễn Thị Huyền N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đề nghị phát hành thẻ số 170113319426/TTD/PVBC ngày 13/01/2017 và Hợp đồng tín dụng số 0499/2019/HĐHMTC/PVB-CN.BD ngày 31/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền N phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 16.057.000đồng (mười sáu triệu không trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

- Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam không phải nộp án phí sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.315.000đồng (sáu triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số

AA/2016/0050889 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hoa Hạnh